

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 08 - 2024
V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Huệ

2. Ông Nguyễn Tấn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 08 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 04 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị S, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H I, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh H chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2014, trong quá trình chung sống giữa vợ chồng không hòa hợp nhau, anh H có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, anh H

ghen tương vô cớ, không lo làm ăn phụ giúp gia đình. Vợ chồng ly thân nhau từ tháng 02/2024 đến nay.

Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 02/07/2026, Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 30/04/2024. Hiện nay đang sống chung với anh H.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai,

Chị T yêu cầu được ly hôn với anh H, giao 02 con chung cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi đứa một tháng là 1.500.000 đồng; về tài sản và nợ: Không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Lời trình bày của chị T về năm chung sống, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn, thời gian ly thân, con chung và nợ là đúng. Theo yêu cầu của chị T, anh H có ý kiến như sau: Anh không đồng ý ly hôn với chị T, vì anh còn tình cảm với chị T. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi đứa 3.000.000 đồng.

Về tài sản: Năm 2015 cha mẹ vợ cho 01 nền nhà và vợ chồng có nhận chuyển nhượng được 01 nền nhà ở tỉnh Hà Giang (không biết diện tích và địa chỉ cụ thể), giá 90.0000.000 đồng. Khi ly hôn, anh yêu cầu được chia 1/2 giá trị 02 nền nhà nói trên.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, anh H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị S trình bày: Thoa và H ở chung gia đình với bà, sau khi sinh con thì T và H đi làm thuê ở tỉnh Đồng Nai, bà ở nhà trông nom 02 cháu. Sau khi T và H ly thân nhau thì hàng tháng T và H mỗi người đều có gửi tiền về hàng tháng., mỗi tháng 01 người gửi 3.000.000 đồng để bà nuôi 02 cháu. Nếu Tòa án xử cho H và T ly hôn thì bà yêu cầu giao 02 cháu cho H nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, bà S vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; giao 02 con chung cho anh **H** tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ngày 01/07/2024 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, anh **H** vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời chị **T** nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh **H**, bà **S** nhưng anh **H**, bà **S** vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **H**, chị **T**, bà **S** theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị T** và anh **Nguyễn Văn H** chung sống vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T** vào năm 2014. Trong quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng về mối quan hệ sinh hoạt đời sống hàng ngày, giữa vợ chồng không tự dàn xếp được, từ đó anh chị ly thân nhau từ tháng 02/2024 đến nay.

Xét thấy giữa chị **T** và anh **H** đã ly thân nhau trong một thời gian dài, hai người không có biện pháp hàn gắn, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **T** và đề nghị của Kiểm sát viên, cho chị **T** được ly hôn với anh **H**.

[3] Về quan hệ con chung: Chị **Nguyễn Thị T** và anh **Nguyễn Văn H** xác định, chị **T** và anh **H** có 02 con chung tên **Nguyễn Hoàng Gia H1**, sinh ngày 02/07/2016; **Nguyễn Ngọc H2**, sinh ngày 30/04/2020. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với anh **H**. Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 23/05/2024 thì cháu **Gia H1** có nguyện vọng sống với chị **T**, nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/07/2024 chị **T** đồng ý giao cháu **Gia H1** cho anh **H** tiếp tục nuôi và tại biên bản lấy lời khai con chưa thành niên ngày 23/05/2024 thì cháu **Gia H1** có nguyện vọng sống chung với anh **H**. Xét thấy, cháu **Gia H1** có nguyện vọng sống chung với anh **H** và chị **T** đồng ý để anh **H** tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu **Gia H1** cho anh **H** tiếp tục nuôi dưỡng là đúng theo nguyện vọng của cháu **Gia H1**.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại biên bản hòa giải ngày 17/06/2024 anh **H** yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng một đứa là 3.000.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 18/07/2024 chị **T** đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con một tháng là 3.000.000 đồng. Xét thấy, chị **T** và anh **H** có 02 con chung, khi còn chung sống thì anh chị cùng có nghĩa vụ nuôi con chung, nghĩa là 02 người nuôi 02 con chung. Như vậy, khi ly hôn mỗi người nuôi 01 con chung là phù hợp. Mặt khác, nguồn thu nhập hàng tháng của chị **T** là không cao nên việc chị **T** tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị **T**.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Anh **Nguyễn Văn H** xác định, anh và chị **T** có tài sản chung là quyền sử dụng đất, nhưng anh **H** không nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét và được xem như là chưa tranh chấp. Trường hợp anh **H** có yêu cầu thì sẽ thụ lý thành vụ án khác về việc chia tài sản sau khi ly hôn.

[6] Về nợ chung: Anh **Nguyễn Văn H** và chị **Nguyễn Thị T** xác định là không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị **Nguyễn Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 3 Điều 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị **Nguyễn Thị T**.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị **Nguyễn Thị T** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn H**.

- *Về quan hệ con chung:* Giao 02 con chung tên **Nguyễn Hoàng Gia H1**, sinh ngày 02/07/2016; **Nguyễn Ngọc H2**, sinh ngày 30/04/2020 cho anh **Nguyễn Văn H** tiếp tục nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 02/07/2016; Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 30/04/2020. Phương thức cấp dưỡng: Cấp hàng tháng, một tháng là 1.500.000 đồng đối với mỗi người con. Thời gian cấp dưỡng: Từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh H và chị T chưa tranh chấp tài sản chung nên không xem xét.

- Về nợ chung: Anh H và chị T xác định là không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo Biên lai thu số: 0004933 ngày 22/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị T đã nộp xong.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã Thuận Hòa;
- Lưu HS, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

